

Số: /BC-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm

DỰ THẢO

BÁO CÁO

Tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Luật thuế thu nhập cá nhân

A. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUAN KẾT QUẢ THỰC HIỆN LUẬT THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

Luật thuế thu nhập cá nhân (TNCN) hiện hành được Quốc hội khóa XII tại kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 21/11/2007 thay thế Pháp lệnh thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao và chính thức có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2009. Trong quá trình thực hiện, để tháo gỡ kịp thời những vướng mắc phát sinh, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội (KT-XH) trong từng giai đoạn, Quốc hội đã ban hành các Luật: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TNCN số 26/2012/QH13 (áp dụng từ 01/7/2013); Luật sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Luật về thuế số 71/2014/QH13 (áp dụng từ 01/01/2015). Ngoài ra, Ủy ban Thường vụ Quốc hội (UBTVQH) cũng đã ban hành Nghị quyết số 954/2020/UBTVQH14 ngày 02/6/2020 về điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh của thuế TNCN (áp dụng từ kỳ tính thuế năm 2020).

Qua quá trình triển khai thực hiện, Luật thuế TNCN đã đi vào cuộc sống, tác động tích cực đến nhiều mặt KT-XH của đất nước và đạt được mục tiêu đề ra khi ban hành Luật. Thuế TNCN đã trở thành một trong những sắc thuế quan trọng trong hệ thống thuế của nước ta. Tuy nhiên, trong tiến trình phát triển, hội nhập những năm gần đây và do sự biến động nhanh của kinh tế - chính trị thế giới nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng, đã phát sinh một số điểm hạn chế, bất cập cần được nghiên cứu để rà soát, sửa đổi cho phù hợp với thực tiễn, đảm bảo tính minh bạch, đồng bộ của hệ thống pháp luật cũng như mục tiêu đề ra của Chiến lược cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2021-2030. Cụ thể như sau:

1. Những kết quả đạt được

Kể từ khi ban hành năm 2007 đến nay, Luật thuế TNCN đã được rà soát sửa đổi, bổ sung vào các năm 2012, 2014. Trong hơn 10 năm triển khai thực hiện, Luật thuế TNCN đã góp phần quan trọng trong điều tiết thu nhập của các tầng lớp dân cư; đảm bảo đồng viên một cách hợp lý thu nhập dân cư; khuyến khích minh bạch các nguồn thu nhập của cá nhân trong lao động, sản xuất kinh doanh, làm giàu chính đáng. Việc thực hiện chính sách thuế TNCN có tính đến

các bước đi phù hợp với tình hình KT-XH và thông lệ quốc tế, nhờ đó đã động viên kịp thời các nguồn lực cho ngân sách nhà nước (NSNN) giải quyết tốt hơn các vấn đề xã hội. Về cơ bản, việc thực hiện Luật thuế TNCN trong giai đoạn vừa qua đã đạt được các mục tiêu khi ban hành Luật (bao gồm cả những lần sửa đổi, bổ sung).

Một số đánh giá cụ thể như sau:

Thứ nhất, Luật thuế TNCN và các Luật sửa đổi, bổ sung đã được hoàn thiện theo đúng định hướng cải cách hệ thống thuế, phí và lệ phí được xác định trong các Văn kiện, Nghị quyết của Đảng và Nhà nước, đồng thời đã bám sát các mục tiêu, định hướng xác định trong Chiến lược cải cách hệ thống chính sách thuế giai đoạn 2011-2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 732/QĐ-TTg ngày 17/5/2011. Chiến lược này cũng đã đặt ra các yêu cầu, định hướng cụ thể đối với việc sửa đổi, bổ sung chính sách thuế TNCN như: nghiên cứu sửa đổi, bổ sung theo hướng mở rộng cơ sở thuế và xác định rõ thu nhập chịu thuế; sửa đổi, bổ sung phương pháp tính thuế đối với từng khoản thu nhập theo hướng đơn giản, phù hợp với thông lệ quốc tế để nâng cao tính tuân thủ pháp luật của người nộp thuế và tạo thuận lợi cho công tác quản lý thuế; điều chỉnh số lượng thuế suất phù hợp với thu nhập chịu thuế và đối tượng nộp thuế; cơ bản thống nhất mức thuế suất đối với thu nhập cùng loại hoạt động hoặc hoạt động tương tự đảm bảo công bằng về nghĩa vụ thuế giữa thể nhân và pháp nhân (doanh nghiệp); điều chỉnh mức thuế suất hợp lý nhằm động viên, khuyến khích cá nhân làm giàu hợp pháp¹. Qua đó, đã đáp ứng kịp thời, hiệu quả các

¹ Các nội dung sửa đổi thời gian qua như: Về mức giảm trừ gia cảnh (từ 01/01/2009 mức giảm trừ đối với đối tượng nộp thuế là 4 triệu đồng/tháng (48 triệu đồng/năm), mức giảm trừ đối với mỗi người phụ thuộc là 1,6 triệu đồng/tháng; từ 01/7/2013 mức giảm trừ đối với đối tượng nộp thuế là 9 triệu đồng/tháng (108 triệu đồng/năm), mức giảm trừ đối với mỗi người phụ thuộc là 3,6 triệu đồng/tháng; từ 01/01/2020 mức giảm trừ đối với đối tượng nộp thuế là 11 triệu đồng/tháng (132 triệu đồng/năm), mức giảm trừ đối với mỗi người phụ thuộc là 4,4 triệu đồng/tháng); Về thu nhập chịu thuế (rà soát loại bỏ một số khoản trợ cấp không còn nữa (trợ cấp giải quyết tệ nạn xã hội); bổ sung nội dung có tính nguyên tắc để cho phép Chính phủ quy định một số khoản trợ cấp mang tính bảo trợ xã hội và các khoản trợ cấp, phụ cấp không mang tính chất tiền lương, tiền công vào diện loại trừ khỏi thu nhập chịu thuế; bổ sung thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản bao gồm các khoản thu nhập khác nhận được từ chuyển nhượng bất động sản dưới mọi hình thức; bổ quy định thu thuế TNCN đối với hình thức trúng thưởng trong casino); Về thu nhập miễn thuế (bổ sung quy định miễn thuế TNCN đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của thuyền viên là người Việt Nam làm việc cho các hãng tàu nước ngoài hoặc các hãng tàu Việt Nam vận tải quốc tế; thu nhập của cá nhân là chủ tàu, cá nhân có quyền sử dụng tàu và cá nhân làm việc trên tàu từ hoạt động cung cấp hàng hóa, dịch vụ trực tiếp phục vụ hoạt động khai thác, đánh bắt thủy sản xa bờ; miễn thuế đối với tiền lương hưu do quỹ hưu trí tự nguyện chi trả hàng tháng và khoản đóng góp vào quỹ hưu trí tự nguyện được trừ vào thu nhập trước khi tính thuế theo mức do Chính phủ quy định); Về điều chỉnh phương pháp tính thuế (Đối với cá nhân kinh doanh trước đây áp dụng quy trình tính thuế khá phức tạp: cá nhân xác định doanh thu, chi phí, thu nhập của hoạt động kinh doanh, sau đó lại xác định thu nhập tính thuế trên cơ sở tính giảm trừ gia cảnh để áp dụng biểu thuế lũy tiến; trường hợp cá nhân kinh doanh chưa thực hiện được chế độ kế toán, không xác định được thu nhập chịu thuế thì cơ quan thuế ấn định thu nhập, cuối năm phải quyết toán thuế; từ 01/01/2015, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp đơn giản theo tỷ lệ trên doanh thu. Đối với thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản: trước đây áp dụng 2 phương pháp tính thuế theo thuế suất 25% trên thu nhập (giá bán trừ giá vốn và các chi phí liên quan) hoặc theo tỷ lệ 2% trên giá bán nếu không xác định được giá vốn, các chi phí liên quan và có chứng từ chứng minh; từ 01/01/2015, cá nhân chuyển nhượng bất động sản nộp thuế 2% trên giá bán từng lần chuyển nhượng.

yêu cầu đặt ra từ thực tiễn phát triển đất nước cũng như quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời bám sát các mục tiêu, định hướng được xác định trong các chiến lược, kế hoạch phát triển trung và dài hạn của đất nước. Ngay sau Luật thuế TNCN và các Luật sửa đổi, bổ sung Luật thuế TNCN được ban hành, Chính phủ và Bộ Tài chính đã khẩn trương ban hành kịp thời các văn bản hướng dẫn thực hiện. Nhờ đó, đã hình thành được hành lang pháp lý đầy đủ, đồng bộ cho việc tổ chức thực hiện Luật một cách thuận lợi².

Thứ hai, việc thực hiện Luật thuế TNCN đã góp phần quan trọng tăng cường công tác kiểm soát, phân phối thu nhập và điều tiết vĩ mô nền KT-XH.

Thuế TNCN được xây dựng trên các nguyên tắc “lợi ích”, “công bằng” và “khả năng nộp thuế”. Theo nguyên tắc “lợi ích” thì mọi người trong xã hội đều được hưởng những thành quả phát triển của đất nước về thể chế luật pháp, cơ sở hạ tầng, phúc lợi xã hội, an ninh trật tự, văn hóa, giáo dục... đồng thời cũng có nghĩa vụ đóng góp một phần thu nhập của mình cho xã hội thông qua việc nộp thuế. Nguyên tắc “công bằng” và “khả năng nộp thuế” thể hiện ở chỗ: người có thu nhập cao hơn thì nộp thuế nhiều hơn, người có thu nhập như nhau nhưng có hoàn cảnh khó khăn hơn thì nộp thuế ít hơn, người có thu nhập thấp chưa phải nộp thuế.

Trong thời gian qua, các thị trường tài chính - tiền tệ, thị trường vốn, thị trường lao động, thị trường bất động sản, thị trường khoa học công nghệ... đã có sự phát triển mạnh mẽ. Sự tăng trưởng kinh tế đã tạo điều kiện cho các tổ chức,

Đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán: trước đây cũng áp dụng 2 phương pháp tính thuế theo thuế suất 20% trên thu nhập năm (giá bán - giá mua và các chi phí liên quan) hoặc trường hợp không xác định được giá vốn, các chi phí liên quan và có chứng từ chứng minh thì nộp thuế 0,1% trên giá bán từng lần; trường hợp cá nhân áp dụng kỳ tính thuế theo năm thì mỗi lần chuyển nhượng cá nhân tạm nộp thuế TNCN 0,1% trên giá bán chứng khoán từng lần, cuối năm quyết toán được trừ số thuế đã tạm nộp trong năm; từ 01/01/2015 cá nhân chuyển nhượng chứng khoán nộp thuế 0,1% trên giá bán chứng khoán từng lần chuyển nhượng);...

² Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 08/9/2008 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế TNCN; Nghị định số 106/2010/NĐ-CP ngày 28/10/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2007/NĐ-CP về quản lý thuế và Nghị định số 100/2008/NĐ-CP; Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thuế TNCN và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TNCN; Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 1/10/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế; Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 quy định chi tiết thi hành Luật số 71/2014/QH13; Thông tư số 84/2008/TT-BTC ngày 30/9/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế TNCN và Nghị định số 100/2008/NĐ-CP; Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Luật thuế TNCN, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TNCN và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thuế TNCN và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TNCN; Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 sửa đổi, bổ sung một số quy định về thuế, quản lý thuế và hóa đơn, chứng từ; Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 91/2014/NĐ-CP; Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế TNCN đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế TNCN quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015; Thông tư số 40/2021/TT-BTC ngày 21/6/2021 hướng dẫn thuế giá trị gia tăng, thuế TNCN và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh...

cá nhân có cơ hội đầu tư, sản xuất kinh doanh, có thêm nhiều nguồn thu nhập khác nhau: thu nhập từ kinh doanh, từ tiền lương, tiền công, từ đầu tư tài chính...; khoảng cách chênh lệch về thu nhập giữa nhóm người có thu nhập cao và nhóm người có thu nhập thấp cũng có xu hướng ngày càng tăng. Trong bối cảnh này, việc thực hiện Luật thuế TNCN đã góp phần đảm bảo tính hợp lý, công bằng, hiệu quả của hệ thống chính sách thuế và hạn chế sự gia tăng khoảng cách chênh lệch giàu nghèo giữa các tầng lớp dân cư; đồng thời Nhà nước cũng nắm được thông tin về thu nhập của cá nhân góp phần phòng chống tham nhũng, vi phạm pháp luật.

Qua đánh giá kết quả thực hiện thời gian qua, có thể thấy chính sách thuế đối với TNCN đã thể hiện và phát huy được vai trò là công cụ quan trọng trong việc thực hiện chính sách điều tiết, phân phối lại thu nhập, từng bước thu hẹp khoảng cách chênh lệch về thu nhập giữa các cá nhân trong xã hội theo chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước. Việc áp dụng biểu thuế lũy tiến từng phần đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công với các mức thuế suất từ 5% đến 35% và thuế suất toàn phần đối với hộ kinh doanh được đánh giá là phù hợp với điều kiện KT-XH trong thời gian qua, góp phần điều tiết hợp lý thu nhập trong xã hội. Các cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công, từ kinh doanh, từ chuyển nhượng bất động sản và một số khoản thu nhập khác đã thực hiện đóng góp một phần thu nhập vào NSNN.

Thứ ba, công tác quản lý, thu thuế TNCN có nhiều cải thiện, qua đó tạo điều kiện thuận lợi, nâng cao ý thức, trách nhiệm về việc thực hiện nghĩa vụ thuế của người dân.

Trong giai đoạn vừa qua, để hỗ trợ cho người nộp thuế trong việc tuân thủ các quy định về thuế, cùng với việc hoàn thiện về thể chế, chính sách, các quy định liên quan đến quản lý thuế nói chung, thuế TNCN nói riêng cũng liên tục được rà soát để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với các yêu cầu mới trên cơ sở tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng dữ liệu về người nộp thuế và tăng cường quản lý dựa trên rủi ro. Việc áp dụng cơ chế tạm khấu trừ thuế 10% đối với cá nhân có thu nhập từ nhiều nơi là một biện pháp quản lý có hiệu quả, giảm thiểu việc phải quyết toán thuế TNCN đối với nhiều trường hợp. Để thực hiện Luật thuế TNCN, Tổng cục Thuế đã xây dựng chế độ cấp mã số thuế để quản lý người nộp thuế. Mã số thuế được gắn liền với các tờ khai thuế nên cơ quan thuế sẽ có thông tin về người nộp thuế trên cơ sở đó hỗ trợ cho việc kiểm soát, đối chiếu thu nhập của các cá nhân. Cùng với đó, cơ quan thuế cũng đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế, thanh tra thuế.

Thứ tư, quy mô thu NSNN từ thuế TNCN ngày càng được mở rộng, góp phần quan trọng trong việc cơ cấu lại thu NSNN theo hướng bền vững.

Trong giai đoạn vừa qua, tỷ trọng số thu từ thuế TNCN trong tổng thu NSNN của nước ta đã tăng từ mức 5,33% năm 2011 lên hơn 9% năm 2023, phù hợp với xu hướng phát triển của nền kinh tế, góp phần quan trọng trong việc củng cố quy mô thu NSNN theo hướng bền vững. Thuế TNCN trở thành sắc thuế tạo ra nguồn thu cho NSNN đứng thứ ba trong hệ thống thuế, sau thuế giá

trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp. Kinh tế càng phát triển, hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng thì nhu cầu chi tiêu của Nhà nước để giải quyết các vấn đề an ninh, quốc phòng, an sinh xã hội, phát triển sự nghiệp giáo dục, y tế... cũng ngày càng gia tăng. Trong giai đoạn vừa qua, nguồn thu từ thuế TNCN cùng với các nguồn thu NSNN khác đã tạo thành quỹ NSNN quan trọng, đảm bảo cân đối nguồn lực cho việc thực các mục tiêu, nhiệm vụ về phát triển KT-XH của đất nước.

Số thu thuế TNCN trong tổng thu NSNN qua các năm

Năm	Tổng thu NSNN (tỷ đồng)	Thuế TNCN (tỷ đồng)	Tỷ lệ thuế TNCN/ tổng thu NSNN (%)
2011	721.804	38.469	5,33
2012	734.883	44.959	6,12
2013	828.348	46.553	5,62
2014	877.697	47.844	5,45
2015	1.017.756	56.723	5,57
2016	1.131.503	65.235	5,77
2017	1.293.627	78.775	6,09
2018	1.431.662	94.364	6,59
2019	1.553.611	109.406	7,04
2020	1.510.579	115.150	7,62
2021	1.591.411	127.661	8,02
2022	1.815.500	162.944	8,98
2023	1.620.758	147.113	9,08

Nguồn: Bộ Tài chính

Thứ năm, chính sách thuế TNCN đã được sử dụng một cách linh hoạt, hiệu quả để hỗ trợ cho cá nhân, người lao động trong những giai đoạn khó khăn, tăng trưởng chậm.

Trong giai đoạn vừa qua, bên cạnh việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách thuế TNCN theo nội dung đã đề ra của Chiến lược cải cách hệ thống thuế nêu trên, tại những thời điểm khó khăn của nền kinh tế, một số chính sách về miễn, giảm, gia hạn thời hạn nộp thuế TNCN cũng đã được Bộ Tài chính trình Chính phủ, trình Quốc hội ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền nhằm hỗ trợ các cá nhân vượt qua khó khăn, ổn định và phát triển đầu tư, kinh doanh, đặc biệt là trong giai đoạn 2011-2013 khi nền kinh tế phải ứng phó với các tác động bất lợi của tình hình kinh tế vĩ mô và trong 5 năm gần đây trước các ảnh hưởng tiêu cực của dịch bệnh Covid-19³ cũng như phục hồi kinh tế sau

³Năm 2020, 2021, 2022, 2023 và 2024 đã trình Chính phủ ban hành các Nghị định số 41/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020, Nghị định số 52/2021/NĐ-CP ngày 19/4/2021, Nghị định số 34/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022, Nghị định số 12/2023/NĐ-CP ngày 14/4/2023, Nghị định số 64/2024/NĐ-CP ngày 17/6/2024 về gia hạn thời hạn nộp thuế (thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế TNCN, tiền thuê đất) cho các đối tượng gặp khó khăn; Trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH ngày 19/10/2021 để quy định các giải pháp về miễn, giảm thuế thuộc thẩm quyền của Quốc hội, trong đó có giải pháp miễn thuế TNCN phát sinh từ

dịch. Việc thực hiện các chính sách này đã có tác động tích cực, kịp thời và đã nhanh chóng phát huy hiệu quả trên thực tiễn. Qua đó, cùng với việc tổ chức thực hiện các chính sách có liên quan khác đã góp phần quan trọng trong việc từng bước khôi phục lại hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân, thể hiện sự chia sẻ của Nhà nước với người dân trong những giai đoạn khó khăn.

2. Một số tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

2.1. Một số tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được nêu trên, trong tiến trình phát triển KT-XH và hội nhập kinh tế quốc tế, do sự biến động nhanh của kinh tế - chính trị thế giới nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng, đã phát sinh một số hạn chế, bất cập cần được nghiên cứu sửa đổi cho phù hợp với thực tiễn hiện nay, qua đó, kịp thời tháo gỡ vướng mắc và tạo thuận lợi hơn nữa cho người nộp thuế, đảm bảo tính minh bạch và đồng bộ của hệ thống pháp luật như:

- Một số quy định của Luật thuế TNCN hiện hành qua một thời gian thực hiện cũng đã bộc lộ một số điểm bất cập, không còn phù hợp với tình hình kinh tế trong nước và quốc tế hiện nay như các vấn đề liên quan đến thu nhập chịu thuế, thu nhập miễn thuế, cơ sở tính thuế và phương pháp xác định số thuế phải nộp; biểu thuế lũy tiến. Mức điều tiết thu nhập của một số loại thu nhập cũng cần phải có những sự điều chỉnh cho phù hợp với xu hướng thuế quốc tế hiện nay và trong mối tương quan với các nguồn thu nhập khác nhau của cá nhân.

- Một số nội dung về phạm vi, đối tượng chịu thuế trong Luật thuế TNCN chưa bao quát được đầy đủ các khoản thu nhập chịu thuế và sự xuất hiện của các mô hình kinh doanh mới.

2.2. Nguyên nhân của các tồn tại, hạn chế

Những tồn tại, hạn chế nói trên xuất phát từ cả các nguyên nhân khách quan và chủ quan. Cụ thể như sau:

- Về nguyên nhân khách quan: Các khoản thu nhập của cá nhân ngày càng đa dạng, phức tạp. Các hình thức kinh doanh mới liên tục xuất hiện tạo ra nhiều nguồn thu nhập cho cá nhân. Trong khi đó hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chưa đầy đủ, khả năng phân tích, dự báo còn hạn chế, phản ứng chính sách còn chậm chưa theo kịp với sự phát sinh ngày càng nhiều loại hình kinh doanh mới.

- Về nguyên nhân chủ quan: Việc đánh giá, dự báo tình hình kinh tế trong nước và quốc tế còn chưa sát khi bối cảnh kinh tế thế giới biến động liên tục. Còn thiếu các hệ thống thông tin số liệu để có thể đánh giá một cách hiệu quả các chính sách được ban hành.

B. MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM TỔNG KẾT, ĐÁNH GIÁ VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOÀN THIỆN

I. MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM TỔNG KẾT, ĐÁNH GIÁ

hoạt động sản xuất, kinh doanh của các tháng trong quý III và quý IV năm 2021 đối với hộ, cá nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh tại các địa bàn cấp huyện chịu tác động của dịch COVID-1.

1. Mục tiêu

- Đảm bảo phù hợp với các quan điểm, mục tiêu, định hướng về cải cách thuế TNCN đã được xác định trong các Văn kiện, Nghị quyết của Đảng, Nhà nước và Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030.

- Thực hiện có hiệu quả chính sách phân phối lại và mục tiêu công bằng xã hội, đáp ứng yêu cầu phát triển KT-XH cũng như thúc đẩy cải cách thủ tục hành chính và giảm chi phí tuân thủ cho người nộp thuế và cơ quan thuế.

- Đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

- Đảm bảo phù hợp với thông lệ quốc tế và xu hướng phát triển.

- Đảm bảo ổn định nguồn thu NSNN.

2. Quan điểm

Định hướng hoàn thiện Luật thuế TNCN theo các nguyên tắc sau:

- Cụ thể hóa kịp thời, đầy đủ các chủ trương, định hướng của Đảng, Quốc hội, nhất là Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại NSNN, quản lý nợ công để bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững, Chiến lược phát triển KT-XH 10 năm 2021- 2030, Phương hướng nhiệm vụ phát triển KT-XH 5 năm 2021-2025 trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII Đảng Cộng sản Việt Nam và Nghị quyết số 23/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về Kế hoạch tài chính quốc gia và vay, trả nợ công 5 năm 2021-2026.

- Bám sát các mục tiêu, định hướng được xác định trong Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 508/QĐ-TTg ngày 23/4/2022, trong đó đã đưa ra các giải pháp cụ thể đối với thuế TNCN là: Rà soát bổ sung đối tượng chịu thuế; nghiên cứu sửa đổi, bổ sung theo hướng điều chỉnh số lượng và các mức thuế suất phù hợp với thu nhập chịu thuế phù hợp với bản chất của từng loại thu nhập, tạo điều kiện đơn giản trong quyết toán thuế TNCN cho cả người nộp thuế và cơ quan quản lý thuế, ngăn chặn các hành vi trốn, tránh thuế; nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định về miễn, giảm thuế phù hợp với bối cảnh KT-XH của đất nước trong từng giai đoạn và thông lệ quốc tế.

- Kế thừa và phát huy những quy định đã mang lại tác động tích cực đến KT-XH của Luật thuế TNCN hiện hành; đồng thời, sửa đổi, bổ sung những quy định đang là vướng mắc, không còn phù hợp để kịp thời giải quyết những vấn đề bất cập phát sinh trong thực tế, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của cá nhân, người lao động cũng như yêu cầu phát triển KT-XH của đất nước.

- Đảm bảo mục tiêu hội nhập kinh tế quốc tế, phù hợp với xu hướng phát triển, cải cách thủ tục hành chính.

II. KẾT QUẢ TỔNG KẾT, ĐÁNH GIÁ VÀ ĐỊNH HƯỚNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

Trên cơ sở báo cáo của các Bộ, ngành, địa phương, các hiệp hội và từ thực

tiền công tác tổ chức thực hiện Luật thuế TNCN 2007 và các Luật sửa đổi, bổ sung Luật thuế TNCN được ban hành trong những giai đoạn sau đó, Bộ Tài chính đã tiến hành rà soát toàn bộ các điều, khoản của Luật (**gồm 35 điều**), trên cơ sở đó đánh giá mức độ phù hợp, tính khả thi và hiệu quả thực tế của Luật thuế TNCN; đồng thời, đã chỉ ra một số vấn đề vướng mắc, bất cập trong quá trình thực hiện chính sách thuế TNCN giai đoạn vừa qua.

Qua rà soát, dự án Luật dự kiến sửa đổi, bổ sung 31 điều trên tổng số 35 Điều của Luật thuế TNCN hiện hành (chiếm 88,5%), trong đó có quy định về phạm vi điều chỉnh (Điều 1); người nộp thuế (Điều 2); về thu nhập chịu thuế (Điều 3); về thu nhập được miễn thuế (Điều 4); về giảm thuế (Điều 5); về kỳ tính thuế (Điều 7); về thuế đối với cá nhân kinh doanh cư trú (Điều 10); về thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công của cá nhân cư trú (Điều 11); về thu nhập chịu thuế từ đầu tư vốn của cá nhân cư trú (Điều 12); về thu nhập chịu thuế từ chuyển nhượng vốn của cá nhân cư trú (Điều 13), về thu nhập chịu thuế từ chuyển nhượng bất động sản của cá nhân cư trú (Điều 14); về thu nhập chịu thuế từ trúng thưởng của cá nhân cư trú (Điều 15); về thu nhập từ bản quyền của cá nhân cư trú (Điều 16); về thu nhập chịu thuế từ nhượng quyền thương mại của cá nhân cư trú (Điều 17); về thu nhập chịu thuế từ thừa kế, quà tặng của cá nhân cư trú (Điều 18); về giảm trừ gia cảnh cho người nộp thuế và người phụ thuộc (Điều 19); về giảm trừ đối với các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo (Điều 20); về thu nhập tính thuế (Điều 21); về Biểu thuế lũy tiến từng phần (Điều 22); về Biểu thuế toàn phần (Điều 23); về thuế đối với thu nhập từ kinh doanh của cá nhân không cư trú (Điều 25); về thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn của cá nhân không cư trú (Điều 28); về thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản của cá nhân không cư trú (Điều 29); về thuế đối với thu nhập từ trúng thưởng, thừa kế, quà tặng của cá nhân không cư trú (Điều 31) và liên quan đến điều khoản thi hành (Điều 34, Điều 35).

Các nội dung liên quan đến quản lý thuế cũng sẽ được rà soát bãi bỏ để thực hiện theo quy định của Luật Quản lý thuế như quy định về quy đổi thu nhập chịu thuế ra Đồng Việt Nam (Điều 6); quy định về quản lý thuế và hoàn thuế (Điều 8); quy định về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trả thu nhập và trách nhiệm của đối tượng nộp thuế là cá nhân cư trú (Điều 24) và quy định về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trả thu nhập và trách nhiệm của đối tượng nộp thuế là cá nhân không cư trú (Điều 33). Ngoài ra, bãi bỏ Điều 9 về áp dụng điều ước quốc tế để thực hiện thống nhất theo quy định của Luật Điều ước quốc tế.

Đồng thời, thực hiện sắp xếp, bố cục lại nội dung, thứ tự các Điều, chỉnh sửa câu chữ một số nội dung cho phù hợp, thống nhất với việc sửa đổi, bổ sung các nội dung có liên quan, đảm bảo tính chặt chẽ, dễ hiểu, dễ thực hiện của Luật sau khi được ban hành. Bên cạnh đó, rà soát để bổ sung quy định giao thẩm quyền cho Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung cho phù hợp với thực tiễn phát sinh trong từng thời kỳ, đảm bảo việc thực hiện Luật không vướng mắc, có tính ổn định lâu dài.

Nội dung cụ thể như sau:

1. Hoàn thiện quy định liên quan đến người nộp thuế thu nhập cá nhân

- Thay thế cụm từ “đối tượng nộp thuế” thành “người nộp thuế” tại toàn bộ đề cương dự thảo Luật để thống nhất với Luật Quản lý thuế.

Luật Quản lý thuế hiện hành thống nhất sử dụng khái niệm “người nộp thuế”, do vậy cần thay thế cụm từ “đối tượng nộp thuế” thành “người nộp thuế” tại toàn bộ đề cương dự thảo Luật để thống nhất với Luật Quản lý thuế.

- Bổ sung phạm vi xác định thu nhập chịu thuế của người nộp thuế, đồng thời giao Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành để phù hợp với thực tiễn phát sinh.

Việc xác định người nộp thuế là cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú đồng thời với việc xác định phạm vi thu nhập chịu thuế cần rà soát bổ sung để rõ ràng và bao quát hơn, đảm bảo cơ sở pháp lý trong việc bảo vệ quyền đánh thuế của Việt Nam. Việc giao Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành để đảm bảo linh hoạt, phù hợp với bối cảnh KT-XH trong từng thời kỳ.

2. Hoàn thiện quy định liên quan đến thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân và cách tính thuế đối với từng loại thu nhập chịu thuế

- Bổ sung quy định về nhóm thu nhập khác thuộc diện chịu thuế TNCN để thực hiện mở rộng cơ sở thuế.

Điều 3 Luật thuế TNCN quy định chung về thu nhập chịu thuế bao gồm 10 loại thu nhập: (1) thu nhập từ kinh doanh; (2) thu nhập từ tiền lương, tiền công; (3) thu nhập từ đầu tư vốn; (4) thu nhập từ chuyển nhượng vốn; (5) thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản; (6) thu nhập từ trúng thưởng; (7) thu nhập từ bản quyền; (8) thu nhập từ nhượng quyền thương mại; (9) thu nhập từ nhận thừa kế; (10) thu nhập từ nhận quà tặng. Luật thuế TNCN giao Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Điều này.

Nội dung quy định cụ thể các loại thu nhập chịu thuế TNCN như trên về cơ bản là phù hợp với thực tiễn tình hình KT-XH và các hình thức hoạt động trong đời sống dân cư, đồng thời cũng phù hợp với thông lệ quốc tế nói chung. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển của đời sống kinh tế xã hội và các hình thức hoạt động kinh doanh mới đã phát sinh một số khoản thu nhập khác của cá nhân ngoài các loại thu nhập chịu thuế đã được quy định nêu trên và thường là các khoản thu nhập khác có tính chất đặc thù như thu nhập từ chuyển nhượng, thanh lý tài sản, quyền tài sản là tên miền internet, sim - số điện thoại,...

Các khoản thu nhập từ chuyển nhượng tài sản, quyền tài sản này cũng có bản chất giống với một số khoản thu nhập không thường xuyên (thu nhập vãng lai) đang thuộc diện chịu thuế TNCN hiện nay như thu nhập từ bản quyền, thu nhập từ nhượng quyền thương mại... Tại Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị và các Văn kiện của Đảng thời gian gần đây cũng như Nghị quyết số 23/2021/QH15 của Quốc hội đã đặt ra chủ trương đẩy mạnh các biện pháp khai thác dự địa thu, chống thất thu, giảm nợ đọng thuế, mở rộng cơ sở thuế. Theo đó, cần nghiên cứu việc sửa đổi, bổ sung quy định về thu nhập

chịu thuế để đảm bảo bao quát hơn thực tế hiện nay theo hướng bổ sung nhóm thu nhập khác (đồng thời giao Chính phủ quy định chi tiết) hoặc quy định cụ thể các khoản thu khác để đảm bảo tính công bằng giữa các cá nhân có phát sinh thu nhập, đảm bảo phù hợp với nguyên tắc đánh thuế TNCN và thông lệ quốc tế.

Qua rà soát kinh nghiệm của các nước quy định về các loại hình thu nhập chịu thuế, ngoài việc liệt kê các nhóm thu nhập như: Thu nhập từ việc làm (tiền lương, tiền công, các khoản thưởng và thu nhập khác do lao động); thu nhập từ tác quyền; thu nhập từ tiền lãi; thu nhập từ cổ tức; thu nhập từ kinh doanh cá nhân; thu nhập từ tiền lương hưu; thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng tài sản; thu nhập từ cho thuê tài sản, còn có quy định nhóm thu nhập khác để bao quát các trường hợp trên thực tế có thể phát sinh mà tại thời điểm ban hành Luật có thể chưa xuất hiện trên thực tế⁴. Theo đó, các nước thường có quy định mang tính nguyên tắc để đảm bảo tính bao quát đối với các khoản thu nhập khác (hay thu nhập có tính chất bất thường) của cá nhân.

Phạm vi xác định các khoản thu nhập chịu thuế của pháp luật về thuế TNCN nhìn chung phù hợp với thực tiễn Việt Nam thời gian qua và thông lệ quốc tế. Tuy nhiên, với sự đa dạng nguồn gốc thu nhập của cá nhân gắn với mục tiêu, yêu cầu mở rộng cơ sở thuế, tham khảo kinh nghiệm các nước trên thế giới cần rà soát bổ sung quy định về thu nhập chịu thuế theo hướng bổ sung nhóm thu nhập khác (đồng thời giao Chính phủ quy định chi tiết cho phù hợp với tình hình thực tế) hoặc quy định cụ thể các khoản thu nhập khác (thu nhập từ chuyển nhượng, thanh lý tài sản là tên miền internet, sim - số điện thoại, ...) là thu nhập

⁴ Chẳng hạn như:

- Ở Thái Lan, thu nhập chịu thuế bao hàm cả thu nhập bằng tiền và hiện vật. Bất kỳ lợi ích nào do người sử dụng lao động hoặc những người khác cung cấp, chẳng hạn như nhà cho thuê miễn phí hoặc số thuế do người sử dụng lao động trả thay cho người lao động cũng được coi là thu nhập chịu thuế để tính thuế TNCN. Thu nhập chịu thuế được chia thành 08 loại như sau: (1) thu nhập từ cung cấp dịch vụ cá nhân cho người sử dụng lao động; (2) thu nhập từ tiền lương, tiền công; (3) thu nhập từ chuyển giao bản quyền, chuyển quyền thương mại và sở hữu trí tuệ; (4) thu nhập từ cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng ở Thái Lan, thu nhập từ đầu tư vốn; (5) thu nhập từ cho thuê tài sản, bất động sản, hợp đồng mua bán, cho thuê; (6) thu nhập từ nghề nghiệp tự do; (7) thu nhập từ xây dựng và các công việc khác theo hợp đồng và (8) thu nhập từ kinh doanh, thương mại, nông nghiệp, công nghiệp, vận tải và **các hoạt động khác**.

- Ở Trung Quốc, Luật thuế TNCN quy định 9 loại thu nhập chịu thuế TNCN bao gồm: (1) thu nhập từ việc làm (tiền lương, tiền công); (2) thu nhập từ việc cung cấp các dịch vụ cá nhân như thiết kế, chăm sóc sức khỏe, tư vấn luật pháp, kế toán...; (3) thù lao của tác giả; (4) thu nhập từ bản quyền; (5) thu nhập từ kinh doanh; (6) thu nhập từ lãi suất, cổ tức và phân phối lợi nhuận; (7) thu nhập từ cho thuê máy móc, thiết bị, phương tiện, tàu thủy và các tài sản khác; (8) thu nhập từ chuyển quyền sở hữu tài sản (chứng khoán, cổ phiếu, bất động sản); (9) **thu nhập bất thường khác**.

- Ở Hàn Quốc, thu nhập chịu thuế TNCN bao gồm: (1) thu nhập từ tiền công, tiền lương lao động; (2) thu nhập từ kinh doanh (bao gồm lợi nhuận từ thương mại, giao dịch bất động sản, cho thuê, mua bán quyền sử dụng và các thu nhập khác tạo ra từ các giao dịch thông thường); (3) thu nhập từ cổ tức (cả từ doanh nghiệp trong nước và ngoài nước); (4) tiền lãi; (5) thu nhập từ lương hưu; (6) **các thu nhập khác** (giải thưởng bằng tiền hoặc hiện vật, tiền thưởng do trúng số xổ, trò chơi cá cược, phí người sử dụng từ bản quyền, quyền sử dụng các sản phẩm trí tuệ, thu nhập từ chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, đánh cá, quyền sở hữu công nghiệp, bí mật công nghiệp, thông tin cá nhân, thương hiệu và quyền khai thác nước dưới lòng đất...).

chịu thuế.

- Rà soát sửa đổi, bổ sung quy định đối với thu nhập của cá nhân từ hoạt động đầu tư/chuyển nhượng chứng khoán phái sinh; Sửa đổi, bổ sung quy định về thu nhập chịu thuế TNCN đối với hoạt động chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán của cá nhân.

+ Về rà soát sửa đổi, bổ sung quy định đối với thu nhập của cá nhân từ hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh:

Khoản 4 Điều 3, Điều 13, Khoản 2 Điều 21, Điều 23 Luật thuế TNCN quy định: *Thu nhập từ chuyển nhượng vốn, bao gồm: Thu nhập từ chuyển nhượng phần vốn trong các tổ chức kinh tế; Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán; Thu nhập từ chuyển nhượng vốn dưới các hình thức khác.* Đối với hoạt động chuyển nhượng chứng khoán, thu nhập chịu thuế được xác định là giá chuyển nhượng từng lần với thuế suất 0,1%.

Mặc dù Luật Chứng khoán năm 2019 quy định chứng khoán bao gồm cổ phiếu, trái phiếu, chứng khoán phái sinh và các loại chứng khoán khác. Tuy nhiên có sự khác biệt về bản chất giữa chứng khoán cơ sở và chứng khoán phái sinh (CKPS), cụ thể: Giá trị của CKPS phụ thuộc vào giá trị của một hoặc nhiều loại tài sản cơ sở; nhà đầu tư nắm giữ CKPS không được hưởng các quyền cổ đông như khi nắm giữ chứng khoán cơ sở. Trên thị trường phái sinh không diễn ra các giao dịch chuyển nhượng toàn bộ giá trị giao dịch và chuyển giao tài sản từ bên bán cho bên mua như thị trường cơ sở. Việc thanh toán chuyển giao giữa các nhà đầu tư chỉ là giá trị chênh lệch giá (lãi/lỗ).

Thời gian qua, với sự hoàn thiện về khung khổ pháp lý, thị trường CKPS trong nước đã có sự phát triển nhanh trên nhiều mặt, bao gồm cả quy mô giao dịch, các loại hình công cụ giao dịch và thị trường CKPS đã trở thành một bộ phận quan trọng của thị trường chứng khoán Việt Nam. Do vậy, cần nghiên cứu bổ sung quy định riêng về thuế TNCN đối với CKPS để đảm bảo phù hợp với thực tiễn cũng như đặc thù của hoạt động này, tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế cũng như cơ quan thuế trong quá trình tổ chức thực hiện. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy các nước đều dần chuyển sang đánh thuế dựa trên thu nhập thực đối với CKPS (Anh, Pháp, Đức, Úc - xem - Hoa Kỳ, Mỹ, Úc, Nhật Bản, Canada, Thái Lan).

+ Về sửa đổi, bổ sung quy định về thu nhập chịu thuế TNCN đối với hoạt động chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán của cá nhân:

Hiện hành, thu nhập chịu thuế TNCN từ chuyển nhượng vốn được xác định bằng giá bán trừ giá mua và các chi phí liên quan, thu nhập chịu thuế TNCN từ chuyển nhượng chứng khoán được xác định là giá chuyển nhượng từng lần và cá nhân chuyển nhượng chứng khoán phải nộp thuế TNCN theo tỷ lệ phần trăm trên giá chuyển nhượng. Quy định này đảm bảo sự đơn giản, minh bạch của chính sách, giảm chi phí tuân thủ cho cả cơ quan thuế và người nộp thuế⁵. Tuy

⁵ Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện có ý kiến cho rằng việc thu thuế 0,1% trên giá chuyển

nhiên, đối với chuyển nhượng vốn thì các cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng vốn phải nộp thuế với mức thuế suất 20% trên thu nhập từ chuyển nhượng vốn. Theo đó, nếu cá nhân cố tình kê khai giá bán bằng với giá mua thì sẽ không phát sinh thu nhập nên không phải nộp thuế.

Từ thực tiễn thực hiện thời gian qua, cũng như xu hướng, kinh nghiệm của các nước thời gian gần đây, cần thiết nghiên cứu đề quy định rõ thu nhập chịu thuế, tỷ lệ thu thuế (trên doanh thu chuyển nhượng từng lần) đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn. Việc điều chỉnh theo hướng này cũng sẽ đảm bảo tính thống nhất, tương thích với nội dung sửa đổi, bổ sung phương pháp thu thuế theo tỷ lệ % thuế thu nhập doanh nghiệp trên doanh thu đối với hoạt động chuyển nhượng vốn của tổ chức nước ngoài.

- Sửa đổi, bổ sung quy định đối với thu nhập chịu thuế của cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản để đảm bảo đồng bộ với Luật Đất đai năm 2024.

Thời gian qua, chính sách thuế đối với thu nhập của cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản đã liên tục được hoàn thiện cho phù hợp với thực tiễn đất nước trong từng thời kỳ. Khoản 5 Điều 3, Điều 14, Khoản 2 Điều 21, Điều 23 Luật thuế TNCN hiện hành quy định: Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản, bao gồm: Thu nhập từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; Thu nhập từ chuyển nhượng quyền sở hữu hoặc sử dụng nhà ở; Thu nhập từ chuyển nhượng quyền thuê đất, quyền thuê mặt nước; Các khoản thu nhập khác nhận được từ chuyển nhượng bất động sản. Thu nhập chịu thuế từ chuyển nhượng bất động sản được xác định là giá chuyển nhượng từng lần, thuế suất áp dụng là 2%.

Tại Điều 247 Luật Đất đai năm 2024 cũng đã sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 14 Luật thuế TNCN quy định cụ thể: *“Thu nhập chịu thuế từ chuyển nhượng bất động sản được xác định là giá chuyển nhượng từng lần; trường hợp chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì thu nhập chịu thuế tính theo giá đất trong bảng giá đất”*. Theo đó, cũng cần cập nhật quy định này vào dự thảo Luật thuế TNCN (thay thế) để đảm bảo đồng bộ của hệ thống pháp luật.

- Mở rộng phạm vi thu nhập từ thừa kế, quà tặng.

Đối với thu nhập chịu thuế từ thừa kế, quà tặng, tại khoản 9, khoản 10 Điều 3, Điều 18 Luật thuế TNCN hiện hành mới chỉ quy định thu thuế đối với tài sản thừa kế, quà tặng là chứng khoán, phần vốn trong các tổ chức kinh tế, cơ sở kinh doanh, bất động sản và tài sản khác phải đăng ký sở hữu hoặc đăng ký sử dụng mà không thu thuế TNCN đối với một loại tài sản thừa kế mà nhiều quốc gia trên thế giới đã áp dụng. Qua rà soát kinh nghiệm quốc tế, nhiều quốc gia đánh thuế thừa kế, quà tặng theo giá trị, bao gồm cả tài sản và tiền mặt. Tại Thái Lan, tài sản chịu thuế thừa kế bao gồm bất động sản, chứng khoán theo quy định của pháp luật, tài khoản tiền gửi ngân hàng hoặc các loại tiền khác có tính chất tương tự, xe đã đăng ký, và tài sản tài chính. Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan...

nhượng chứng khoán từng lần kể cả trường hợp cá nhân bị lỗ là chưa phù hợp, cần xác định phương pháp thu thuế trên thu nhập của cá nhân, nếu có lãi thì mới nộp thuế.

quy định thuế TNCN đối với khoản thừa kế bao gồm tất cả tài sản được thừa kế.

Theo đó, để đảm bảo tính bao quát, công bằng trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế đối với cùng một loại thu nhập, phù hợp với pháp luật dân sự hiện hành về thừa kế và các hình thức thừa kế, cần rà soát, nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định về thu nhập từ thừa kế, quà tặng tại Luật thuế TNCN cho phù hợp với thực tiễn. Việc nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định về thu nhập từ thừa kế, quà tặng sẽ góp phần mở rộng cơ sở thuế theo định hướng đã được xác định trong nhiều Văn kiện của Đảng và Nhà nước.

Đồng thời, tại Điều 18 Luật thuế TNCN quy định thời điểm xác định thu nhập chịu thuế đối với thu nhập từ thừa kế là thời điểm đối tượng nộp thuế nhận được thừa kế; đối với thu nhập từ quà tặng là thời điểm tổ chức, cá nhân tặng cho đối tượng nộp thuế hoặc thời điểm đối tượng nộp thuế nhận được thu nhập. Tuy nhiên, đối với tài sản phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng thì cá nhân phải hoàn thành nghĩa vụ thuế mới được làm thủ tục đăng ký. Điều này là phù hợp trong công tác quản lý, giảm bớt thủ tục cho cơ quan quản lý và người nộp thuế. Do vậy, cần xem xét sửa đổi, bổ sung thời điểm xác định thu nhập chịu thuế đối với thu nhập từ thừa kế, quà tặng cho phù hợp.

- Bổ sung cách tính thuế đối với từng loại thu nhập chịu thuế, kết cấu lại và điều chỉnh tên một số điều để tương ứng với nội dung sửa đổi.

Luật thuế TNCN hiện hành kết cấu riêng phần thu nhập chịu thuế (từ Điều 11 đến Điều 18), thu nhập tính thuế (Điều 21) và thuế suất (đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công áp dụng theo Biểu thuế lũy tiến từng phần tại Điều 22; đối với các loại thu nhập từ đầu tư vốn, chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng bất động sản, bản quyền, nhượng quyền thương mại, trúng thưởng, thừa kế, quà tặng áp dụng theo Biểu thuế toàn phần tại Điều 23).

Từ 01/01/2015, Luật số 71/2014/QH13 sửa đổi cách tính thuế đối với cá nhân kinh doanh, theo đó cá nhân kinh doanh nộp thuế theo tỷ lệ trên doanh thu đối với từng lĩnh vực, ngành nghề sản xuất kinh doanh (trước đây thu nhập từ kinh doanh của cá nhân được coi là khoản thu nhập thường xuyên, cộng gộp với thu nhập từ tiền lương, tiền công để nộp thuế theo Biểu thuế lũy tiến từng phần).

Như vậy, đối với từng loại thu nhập chịu thuế hiện nay có cách tính thuế và thuế suất riêng, các quy định về xác định thu nhập chịu thuế, thu nhập tính thuế, thuế suất nằm “rải rác” ở các Điều dẫn đến khó theo dõi cho người nộp thuế. Do vậy, cần kết cấu lại và quy định rõ cách tính thuế đối với từng loại thu nhập chịu thuế để đảm bảo đơn giản, góp phần giảm chi phí tuân thủ cho người nộp thuế.

3. Sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến thu nhập được miễn thuế, giảm thuế

- Bổ sung quy định miễn thuế TNCN đối với các khoản thu nhập sau của cá nhân: i) thu nhập từ lợi tức cổ phần của thành viên hợp tác xã nông nghiệp, cá nhân là nông dân ký kết hợp đồng với doanh nghiệp tham gia “Cánh đồng lớn”; ii) thu nhập do quỹ hưu trí tự nguyện, quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung chi trả; iii)

thu nhập từ chuyển nhượng chứng chỉ giảm phát thải, chuyển nhượng tín chỉ các-bon lần đầu sau khi phát hành của cá nhân được cấp chứng chỉ giảm phát thải, tín chỉ các-bon; thu nhập từ tiền lãi từ trái phiếu xanh; thu nhập từ chuyển nhượng trái phiếu xanh lần đầu sau khi phát hành để thể chế hóa các chủ trương định hướng của Đảng và Nhà nước về phát triển nông nghiệp nông thôn, tăng cường sự bao phủ của hệ thống an sinh xã hội và thúc đẩy tăng trưởng xanh và phát triển bền vững. Giao Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành để phù hợp với thực tiễn phát sinh.

+ Về việc bổ sung quy định đối với thu nhập từ lợi tức cổ phần của thành viên hợp tác xã nông nghiệp, cá nhân là nông dân ký kết hợp đồng với doanh nghiệp tham gia “Cánh đồng lớn”:

Tại điểm a khoản 2 Điều 23 Luật thuế TNCN quy định thuế suất đối với thu nhập từ đầu tư vốn của cá nhân là 5%.

Thực tế các năm gần đây đã phát sinh việc phát triển mô hình hợp tác, liên kết giữa nông dân với hợp tác xã hoặc doanh nghiệp để sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn. Luật thuế TNCN hiện hành đã có quy định thu nhập từ trực tiếp sản xuất nông nghiệp được miễn thuế TNCN nhưng chưa có quy định miễn thuế TNCN đối với thu nhập từ lợi tức cổ phần của thành viên hợp tác xã nông nghiệp, cá nhân là nông dân ký kết hợp đồng với doanh nghiệp tham gia “Cánh đồng lớn” (đang phải nộp thuế TNCN với mức thuế suất 5%) nên chưa thực sự khuyến khích cá nhân hợp tác, liên kết sản xuất với doanh nghiệp.

Về định hướng phát triển nông nghiệp quy mô lớn, theo hướng hiện đại, tại Nghị quyết 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030 đã đề ra định hướng: “*Cơ cấu lại nông nghiệp thực chất, hiệu quả, khai thác và phát huy lợi thế nền nông nghiệp nhiệt đới, tiềm năng, lợi thế của từng vùng, miền, địa phương. Đẩy mạnh tích tụ, tập trung đất đai; phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại, chuyên canh hàng hoá tập trung, quy mô lớn, bảo đảm an toàn thực phẩm dựa trên nền tảng ứng dụng khoa học - công nghệ tiên tiến, chuyển đổi số, cơ giới hoá, tự động hoá; gắn kết chặt chẽ nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ, sản xuất với bảo quản, chế biến và tiêu thụ nông sản....*”. Tại Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới cũng đã đề ra định hướng: “*Sửa đổi, bổ sung các chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể theo hướng xác định các tổ chức kinh tế tập thể là chủ thể phù hợp để kết hợp giữa đầu tư của Nhà nước và đầu tư, quản lý của tập thể người dân (đầu tư công - quản trị cộng đồng). Nhà nước có cơ chế, chính sách đặc thù cho kinh tế tập thể...*”.

Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế cho thấy có một số quốc gia có ngành sản xuất nông nghiệp phát triển đều có chính sách ưu đãi thuế nhằm thu hút vốn đầu tư, khuyến khích phát triển nền sản xuất nông nghiệp theo hướng tập trung, hiện đại, bền vững. Theo đó, cần nghiên cứu sửa đổi quy định của pháp luật thuế

TNCN hiện hành đi cùng với các chính sách khác khuyến khích sự phát triển của ngành nông nghiệp theo định hướng của Đảng và Nhà nước.

+ Về việc sửa đổi, bổ sung quy định đối với thu nhập do quỹ hưu trí tự nguyện, quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung chi trả:

Khoản 10 Điều 4 Luật thuế TNCN quy định: “*Tiền lương hưu do Quỹ bảo hiểm xã hội chi trả; tiền lương hưu do quỹ hưu trí tự nguyện chi trả hàng tháng*” là thu nhập miễn thuế TNCN. Như vậy, theo quy định của Luật thuế TNCN hiện hành, cá nhân chỉ được miễn thuế TNCN đối với tiền lương hưu do quỹ hưu trí tự nguyện chi trả hàng tháng, chưa quy định cụ thể trong trường hợp người lao động rút tiền một lần trước hoặc sau khi về hưu.

Tại Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 vừa được Quốc hội thông qua, tại khoản 1 Điều 127 quy định Nhà nước “*khuyến khích phát triển bảo hiểm hưu trí bổ sung thông qua các chính sách ưu đãi theo quy định của pháp luật về thuế*”.

So sánh với hình thức bảo hiểm xã hội hiện nay thì cả lúc đóng góp và lúc nhận lương hưu, trợ cấp, cá nhân đều được miễn thuế. Trong khi đó, cá nhân đóng góp quỹ hưu trí tự nguyện chỉ được trừ vào thu nhập tối đa 1 triệu đồng/tháng theo chính sách khuyến khích của Nhà nước, còn phần đóng góp cao hơn cá nhân phải tổng hợp vào thu nhập để tính thuế, có nghĩa là khoản đóng góp quỹ hưu trí tự nguyện là khoản thu nhập sau khi đã nộp thuế TNCN. Đến khi cá nhân nhận được khoản chi trả từ quỹ nếu chỉ miễn thuế đối với thu nhập từ lương hưu hàng tháng, cá nhân không được miễn thuế đối với khoản nhận một lần. Quy định này cũng chưa thực sự phù hợp, nhất là trong việc thúc đẩy sự phát triển của các chương trình hưu trí tự nguyện theo chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước.

Theo đó, để khuyến khích cá nhân tham gia các chương trình hưu trí tự nguyện, cần sửa đổi quy định về thuế TNCN đối với tiền lương hưu do quỹ hưu trí tự nguyện, quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung chi trả theo hướng không phân biệt chi trả một lần hay chi trả hàng tháng. Việc thực hiện chính sách này sẽ tạo điều kiện cho các cá nhân có sự linh hoạt hơn trong việc tham gia các chương trình hưu trí tự nguyện, đảm bảo sự nhất quán trong thực hiện chính sách.

+ Về việc sửa đổi, bổ sung quy định đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng chỉ giảm phát thải, chuyển nhượng tín chỉ các – bon lần đầu sau khi phát hành của cá nhân được cấp chứng chỉ giảm phát thải, tín chỉ các – bon; thu nhập từ tiền lãi từ trái phiếu xanh; thu nhập từ chuyển nhượng trái phiếu xanh lần đầu sau khi phát hành:

Hiện nay xu hướng quốc tế đang khuyến khích phát triển các dự án đầu tư theo cơ chế phát triển sạch (CDM) do đây là các dự án đầu tư sản xuất theo công nghệ mới, tiên tiến, thân thiện với môi trường, có kết quả giảm phát thải khí nhà kính. Ban chấp hành quốc tế về CDM⁶ thực hiện việc giám sát, chấp thuận đăng ký và cấp chứng chỉ giảm phát thải. Tổ chức, cá nhân có quyền chuyển nhượng

⁶ Tổ chức được các nước tham gia Công ước Khí hậu thành lập và ủy quyền giám sát các dự án CDM, chấp thuận đăng ký và cấp chứng chỉ giảm phát thải.

chứng chỉ cho các đối tượng có nhu cầu và có thêm nguồn vốn để đầu tư công nghệ sản xuất sạch.

Phát triển thị trường tín chỉ các-bon là giải pháp quan trọng để thực hiện các mục tiêu về bảo vệ môi trường và tại Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc hội thông qua năm 2020 (có hiệu lực thi hành từ 01/01/2022) đã có các quy định về tín chỉ các-bon, cơ chế trao đổi, chuyển nhượng tín chỉ các-bon cũng như đề ra chủ trương Nhà nước cần có cơ chế, chính sách hỗ trợ để khuyến khích phát triển.

Luật Bảo vệ môi trường cũng đã có quy định về trái phiếu xanh do Chính phủ, chính quyền địa phương, doanh nghiệp phát hành theo quy định của pháp luật về trái phiếu để huy động vốn cho hoạt động bảo vệ môi trường, dự án đầu tư mang lại lợi ích về môi trường; Chủ thể phát hành và nhà đầu tư mua trái phiếu xanh được hưởng các ưu đãi theo quy định và giao Chính phủ quy định chi tiết.

Thực tế những năm gần đây, để thúc đẩy hoạt động bảo vệ môi trường, nhiều quốc gia trên thế giới đã xây dựng và đưa vào triển khai các chính sách nhằm thúc đẩy thị trường chứng chỉ giảm phát thải, tín chỉ các-bon, trái phiếu xanh nhằm khuyến khích bảo vệ môi trường thông qua việc giảm phát thải các-bon, nâng cao nhận thức của cộng đồng xã hội về giảm phát thải khí nhà kính, hướng đến tăng trưởng xanh và phát triển bền vững.

Qua nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế cho thấy một số nước như Thái Lan, Malaysia, Trung Quốc... cũng có quy định miễn thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng chỉ giảm phát thải; Mê-hi-cô, Ấn Độ, Mỹ áp dụng nhiều chính sách ưu đãi về thuế thu nhập để thúc đẩy thị trường trái phiếu xanh, ví dụ ở Mỹ thu nhập từ trái phiếu xanh do chính quyền địa phương phát hành được miễn thuế thu nhập; một số quốc gia có chính sách miễn, giảm thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng tín chỉ các-bon, ví dụ như Thái Lan.

Để thúc đẩy hơn nữa các hoạt động hướng tới mục tiêu phát triển bền vững tại Việt Nam, nhất là trong việc thực hiện các cam kết của Việt Nam tại Hội nghị COP26, cần nghiên cứu để bổ sung vào diện được miễn thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng chỉ giảm phát thải, chuyển nhượng tín chỉ các – bon lần đầu sau khi phát hành của cá nhân được cấp chứng chỉ giảm phát thải, tín chỉ các – bon; thu nhập từ tiền lãi từ trái phiếu xanh; thu nhập từ chuyển nhượng trái phiếu xanh lần đầu sau khi phát hành, tương tự như kinh nghiệm của các nước trên thế giới đang áp dụng.

Hiện nay, tại dự án Luật thuế thu nhập doanh nghiệp (sửa đổi) cũng đang đề xuất bổ sung quy định miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập của các hoạt động này.

Đồng thời, giao Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành thu nhập được miễn thuế để phù hợp với thực tiễn phát sinh.

- Nghiên cứu bổ sung quy định về giảm thuế TNCN đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của các cá nhân là nhân lực công nghệ cao (CNC) làm việc

tại các doanh nghiệp, dự án trong các lĩnh vực công nghệ thông tin (CNTT), nông nghiệp, chế biến nông sản, bao gồm: doanh nghiệp CNC, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng CNC, dự án ứng dụng CNC thuộc danh mục CNC được ưu tiên đầu tư phát triển, dự án sản xuất sản phẩm CNC thuộc danh mục sản phẩm CNC được khuyến khích phát triển.

Điều 5 Luật thuế TNCN quy định: Đối tượng nộp thuế gặp khó khăn do thiên tai, hoả hoạn, tai nạn, bệnh hiểm nghèo ảnh hưởng đến khả năng nộp thuế thì được xét giảm thuế tương ứng với mức độ thiệt hại nhưng không vượt quá số thuế phải nộp. Quy định này thể hiện sự quan tâm, hỗ trợ của Nhà nước trong trường hợp người nộp thuế gặp khó khăn.

Theo Luật thuế TNCN hiện hành thì ưu đãi miễn, giảm thuế TNCN không áp dụng đối với cá nhân là nhân lực CNC, trong khi đây là lực lượng lao động quan trọng cần có cơ chế khuyến khích phát triển phù hợp. Luật CNC cũng đã có quy định Nhà nước tập trung đầu tư phát triển nhân lực CNC đạt trình độ khu vực và quốc tế; áp dụng cơ chế, chính sách ưu đãi đặc biệt để đào tạo, thu hút, sử dụng có hiệu quả nhân lực CNC trong nước và ngoài nước⁷, lực lượng trẻ tài năng trong hoạt động nghiên cứu, giảng dạy, ươm tạo CNC, ươm tạo doanh nghiệp CNC và các hoạt động CNC khác (khoản 3 Điều 4 Luật CNC); Tập trung đầu tư phát triển CNC trong 04 lĩnh vực công nghệ là công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ tự động hóa. Luật CNC cũng quy định giao Chính phủ điều chỉnh, bổ sung lĩnh vực công nghệ cần tập trung đầu tư phát triển CNC tùy theo nhu cầu phát triển KT-XH, quốc phòng, an ninh, trong đó đảm bảo CNC được ưu tiên đầu tư phát triển trong các lĩnh vực công nghệ phải phù hợp với yêu cầu, xu thế phát triển khoa học và công nghệ tiên tiến, hiện đại của thế giới, phát huy lợi thế của đất nước, có tính khả thi và đáp ứng một trong các điều kiện cụ thể (Điều 5 Luật CNC).

Phát triển khoa học công nghệ, nhân lực CNC là một trong những nhân tố quan trọng để tăng năng suất và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Để phát triển hơn nữa cho lĩnh vực khoa học và công nghệ, cần thiết phải có những chính sách tập trung thu hút các cá nhân có trình độ cao tham gia thực hiện trong các lĩnh vực như công nghệ thông tin hoặc các lĩnh vực đang ưu tiên phát triển như nông nghiệp, chế biến nông sản. Đây cũng là chính sách được một số quốc gia trên thế giới áp dụng⁸. Theo đó, cần nghiên cứu, bổ sung các quy định phù hợp tại Luật thuế TNCN đối với thu nhập của cá nhân là nhân lực CNC làm việc tại các doanh nghiệp như: doanh nghiệp CNC, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng

⁷ Về khái niệm nhân lực CNC, Khoản 10 Điều 3 Luật CNC số 21/2008/QH12 quy định: *Nhân lực CNC* là đội ngũ những người có trình độ và kỹ năng đáp ứng được yêu cầu của hoạt động nghiên cứu, phát triển, ứng dụng CNC, dịch vụ CNC, quản lý hoạt động CNC, vận hành các thiết bị, dây chuyền sản xuất sản phẩm CNC.

⁸ Tuy nhiên, cũng có ý kiến cho rằng, cần thực hiện điều tiết thuế công bằng đối với các cá nhân, việc giảm thuế cho cá nhân, đặc biệt là người thu nhập cao là không thỏa đáng, dễ gây tâm lý so sánh đối với các lĩnh vực khác cũng đang cần thu hút nhân lực. Việc thu hút cá nhân có trình độ chuyên môn cao vào làm việc trong ngành khoa học và công nghệ có thể sử dụng các chính sách khác như chế độ nhà ở, chế độ trợ cấp, phụ cấp phù hợp... mà không ưu đãi thuế.

CNC, dự án ứng dụng CNC thuộc danh mục CNC được ưu tiên đầu tư phát triển, dự án sản xuất sản phẩm CNC thuộc danh mục sản phẩm CNC được khuyến khích phát triển. Mức giảm thuế TNCN đối với nhóm đối tượng này cần được nghiên cứu, đảm bảo hài hòa giữa các mục tiêu về khuyến khích các đối tượng cần ưu tiên thu hút, duy trì hợp lý mức động viên NSNN và không làm sai lệch vai trò của chính sách thuế TNCN.

Do việc xác định cá nhân là nhân lực CNC phụ thuộc vào nhiều tiêu chí cũng như các định hướng phát triển của đất nước trong từng giai đoạn. Trường hợp bổ sung quy định giảm thuế TNCN đối với các đối tượng này, cũng cần nghiên cứu để có quy định về tiêu chí xác định cá nhân là nhân lực CNC để làm cơ sở cho việc thực hiện theo hướng giao Thủ tướng Chính phủ quy định cụ thể.

- Bổ sung quy định giao Thủ tướng Chính phủ cho phép miễn thuế trong một số trường hợp đặc biệt là: chuyên gia nước ngoài làm việc tại chương trình, dự án tài trợ bằng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA); chuyên gia nước ngoài làm việc tại chương trình, dự án phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam; cá nhân là người Việt Nam làm việc tại cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế thuộc Hệ thống Liên hợp quốc tại Việt Nam đang được áp dụng chính sách miễn thuế theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ trước khi Luật thuế TNCN hiện hành có hiệu lực, qua đó đảm bảo tính thống nhất của hệ thống pháp luật thuế và đảm bảo cơ sở pháp lý minh bạch và ổn định.

Theo quy định hiện hành, việc miễn thuế TNCN đang được áp dụng đối với các đối tượng khác như: chuyên gia nước ngoài làm việc tại chương trình, dự án tài trợ bằng nguồn vốn ODA (được miễn thuế theo Quyết định số 119/2009/QĐ-TTgCP ngày 01/10/2009 của Thủ tướng Chính phủ); chuyên gia nước ngoài làm việc tại chương trình, dự án phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam (được miễn thuế theo Quyết định số 06/2016/QĐ-TTg ngày 22/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ); cá nhân là người Việt Nam làm việc tại cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế thuộc Hệ thống Liên Hợp quốc tại Việt Nam (được miễn thuế theo Quyết định số 07/2016/QĐ-TTg ngày 22/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ). Nội dung của các Quyết định này được kế thừa từ các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành trước khi Luật thuế TNCN có hiệu lực thi hành (Quyết định số 211/1998/QĐ-TTg ngày 31/10/1998 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư số 52/2000/TT-BTC ngày 05/6/2000 và Thông tư số 55/2007/TT-BTC ngày 29/5/2007 của Bộ Tài chính).

Trong giai đoạn hiện nay, chính sách ưu đãi miễn thuế TNCN đối với chuyên gia nước ngoài thực hiện chương trình, dự án ODA, viện trợ phi chính phủ nước ngoài vẫn là cần thiết để khuyến khích, thu hút nguồn vốn vay và viện trợ nước ngoài, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức quốc tế hoạt động tại Việt Nam. Đồng thời, chính sách miễn thuế TNCN đối với nhân viên Việt Nam làm việc cho cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế thuộc hệ thống Liên Hợp quốc cũng cần tiếp tục duy trì để bình đẳng về nghĩa vụ thuế, vì khoản lương mà nhân viên Việt Nam nhận được đã thực hiện nghĩa vụ thuế thu nhập theo quy định của Liên hợp quốc. Khoản thuế này do cơ quan đại diện của Liên Hợp quốc

giữ lại và coi khoản thu này như khoản thuế thu nhập quốc gia và đưa vào Quỹ bình ổn thuế của Liên hợp quốc và được trừ bớt phần định mức đóng góp hàng năm của quốc gia vào ngân sách của Liên hợp quốc.

Theo đó, để đảm bảo tính thống nhất của hệ thống pháp luật thuế và đảm bảo cơ sở pháp lý, cần nghiên cứu, bổ sung quy định tại Luật thuế TNCN nội dung giao thẩm quyền cho Thủ tướng Chính phủ quyết định việc miễn thuế trong một số trường hợp đặc biệt này. Đây cũng là những đối tượng đang được miễn thuế theo các văn bản dưới Luật trước thời điểm Luật thuế TNCN hiện hành có hiệu lực thi hành.

4. Hoàn thiện quy định về thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân kinh doanh

- Điều chỉnh mức doanh thu chịu thuế đối với thu nhập từ kinh doanh.

Theo quy định của Luật thuế TNCN năm 2007, đối với thu nhập từ kinh doanh cũng được áp dụng các khoản giảm trừ khi tính thuế TNCN. Tuy nhiên, đối với hộ, cá nhân kinh doanh, quy trình tính thuế này là phức tạp do đại bộ phận hộ, cá nhân kinh doanh không thực hiện chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ, không xác định được chi phí, thu nhập chịu thuế nên cơ quan thuế phải thực hiện ấn định thu nhập, sau đó lại xác định thu nhập tính thuế dựa trên cơ sở giảm trừ gia cảnh để áp dụng biểu thuế lũy tiến từng phần như cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công.

Luật số 71/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Luật thuế (có hiệu lực thi hành từ 01/01/2015) quy định: Đối với hộ, cá nhân kinh doanh có mức doanh thu hàng năm từ 100 triệu đồng trở xuống thì không phải nộp thuế TNCN; Đối với hộ, cá nhân kinh doanh có doanh thu trên 100 triệu đồng/năm nộp thuế TNCN theo tỷ lệ ấn định trên doanh thu theo từng ngành nghề, lĩnh vực sản xuất, kinh doanh.

Quá trình thực hiện có ý kiến cho rằng mức 100 triệu đồng/năm để xác định cá nhân không thuộc diện nộp thuế TNCN là không phù hợp, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo tỷ lệ trên doanh thu không được giảm trừ gia cảnh. Trong khi đó, từ kỳ tính thuế năm 2020, mức giảm trừ áp dụng đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công là 11 triệu đồng/tháng (132 triệu đồng/năm) đối với bản thân người nộp thuế, 4,4 triệu đồng/tháng đối với mỗi người phụ thuộc.

Để phù hợp với sự biến động của giá cả, thống nhất với ngưỡng doanh thu chịu thuế giá trị gia tăng của cá nhân kinh doanh đang được đề xuất sửa đổi (tại dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi) đang trình Quốc hội cũng đã đề xuất sửa đổi, bổ sung quy định về mức doanh thu chịu thuế đối với thu nhập từ kinh doanh và giao Chính phủ quy định mức cụ thể). Theo đó, quy định này cũng cần được cập nhật để bổ sung tại Luật thuế TNCN đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật trên cơ sở kế thừa đầy đủ quy định tại dự thảo Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi) sau khi được Quốc hội thông qua vào kỳ họp tháng 10 năm 2024.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về doanh thu để thống nhất với các pháp luật

liên quan.

Đối với hoạt động kinh doanh của cá nhân, việc xác định doanh thu cần rà soát để đảm bảo thống nhất, tương đồng với các pháp luật liên quan, nhất là pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Quy định cụ thể mức thuế suất đối với một số khoản thu nhập từ hoạt động cung cấp sản phẩm và dịch vụ phần mềm; sản phẩm và dịch vụ nội dung thông tin số về giải trí, trò chơi điện tử, phim số, ảnh số, nhạc số, quảng cáo số.

Luật số 71/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Luật thuế và các văn bản hướng dẫn về thuế (có hiệu lực thi hành từ 01/01/2015) quy định: Đối với hộ, cá nhân kinh doanh có doanh thu trên 100 triệu đồng/năm nộp thuế TNCN theo tỷ lệ ấn định trên doanh thu theo từng ngành nghề, lĩnh vực sản xuất, kinh doanh (Phân phối, cung cấp hàng hóa: 0,5%; Dịch vụ; xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu: 2% (Riêng hoạt động cho thuê tài sản, đại lý bảo hiểm, đại lý xổ số, đại lý bán hàng đa cấp: 5%); Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hoá, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu: 1,5%; Hoạt động kinh doanh khác: 1%). Quy định này đảm bảo chính sách đơn giản, rõ ràng, minh bạch, nâng cao hiệu quả công tác quản lý thu thuế, tính tuân thủ pháp luật thuế của các hộ, cá nhân kinh doanh, tiết kiệm chi phí tuân thủ thuế cho người nộp thuế và cơ quan thuế.

Mặc dù quy định thu thuế TNCN theo tỷ lệ trên doanh thu, không tính trừ chi phí và các khoản giảm trừ, tuy nhiên mức tỷ lệ được xây dựng đã tính toán phù hợp hoạt động kinh doanh của cá nhân tương ứng với từng lĩnh vực, ngành nghề sản xuất, kinh doanh và thấp hơn tỷ lệ trên doanh thu hiện đang áp dụng đối với doanh nghiệp không xác định được chi phí, thu nhập của hoạt động kinh doanh.

Quá trình thực hiện có ý kiến cho rằng tỷ lệ thuế TNCN trên doanh thu cần được tính toán, điều chỉnh lại cho phù hợp với đặc điểm của một số loại thu nhập, hoạt động kinh doanh đặc thù như hoạt động cung cấp sản phẩm và dịch vụ phần mềm; sản phẩm và dịch vụ nội dung thông tin số về giải trí, trò chơi điện tử, phim số, ảnh số, nhạc số, quảng cáo số. Hiện hành, thu nhập của cá nhân từ các hoạt động này đang chịu sự điều tiết như một số khoản thu nhập khác, trong khi đây là những khoản thu nhập có tính chất đặc thù nên cần có mức thuế suất phù hợp để đảm bảo sự bình đẳng giữa các đối tượng nộp thuế, sự thống nhất của hệ thống chính sách thuế, đảm bảo phát huy được vai trò điều tiết, phân phối lại của chính sách thuế TNCN trong hệ thống thuế⁹. Mức thuế suất cụ thể cần được nghiên cứu đánh giá kỹ lưỡng, đảm bảo phát huy được một cách có hiệu quả vai trò của chính sách thuế TNCN trong hệ thống thuế, thực hiện điều tiết hợp lý thu nhập của cá nhân trong nền kinh tế.

⁹ Trước đây, tại Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 ngày 19/10/2021 của UBTVQH về ban hành một số giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chịu tác động của dịch Covid-19 cũng loại trừ, không giám thuế đối với thu nhập, doanh thu từ cung cấp sản phẩm và dịch vụ phần mềm; sản phẩm và dịch vụ nội dung thông tin số về giải trí, trò chơi điện tử, phim số, ảnh số, nhạc số; quảng cáo số của cá nhân.

5. Hoàn thiện quy định về giảm trừ gia cảnh, giảm trừ đối với các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo và các khoản giảm trừ đặc thù khác

- Nghiên cứu điều chỉnh quy định về mức giảm trừ gia cảnh cho cá nhân người nộp thuế và người phụ thuộc.

Theo quy định của Luật thuế TNCN hiện hành, cá nhân được trừ các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp đối với một số ngành nghề phải tham gia bảo hiểm bắt buộc, trừ đi mức giảm trừ gia cảnh, các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo, các khoản phụ cấp, trợ cấp theo quy định... số còn lại mới là thu nhập làm căn cứ tính thuế TNCN.

Luật thuế TNCN (áp dụng từ 01/01/2009) quy định mức giảm trừ đối với đối tượng nộp thuế là 4 triệu đồng/tháng (48 triệu đồng/năm); mức giảm trừ đối với mỗi người phụ thuộc là 1,6 triệu đồng/tháng. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TNCN số 26/2012/QH13 (áp dụng từ 01/7/2013) quy định mức giảm trừ đối với đối tượng nộp thuế là 9 triệu đồng/tháng (108 triệu đồng/năm); mức giảm trừ đối với mỗi người phụ thuộc là 3,6 triệu đồng/tháng. Đồng thời bổ sung quy định: Trường hợp chỉ số giá tiêu dùng (CPI) biến động trên 20% so với thời điểm Luật có hiệu lực thi hành hoặc thời điểm điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh gần nhất thì Chính phủ trình UBTVQH điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh quy định tại khoản này phù hợp với biến động của giá cả để áp dụng cho kỳ tính thuế tiếp theo.

Ngày 02/6/2020 UBTVQH đã ban hành Nghị quyết số 954/2020/UBTVQH14 về điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh của thuế TNCN (áp dụng từ kỳ tính thuế năm 2020). Theo đó, nâng mức giảm trừ đối với đối tượng nộp thuế là 11 triệu đồng/tháng (132 triệu đồng/năm); mức giảm trừ đối với mỗi người phụ thuộc là 4,4 triệu đồng/tháng. Việc điều chỉnh nâng mức giảm trừ gia cảnh của thuế TNCN đã góp phần giảm bớt nghĩa vụ cho người nộp thuế, số thuế phải nộp sẽ được giảm cho mọi đối tượng đang nộp thuế TNCN. Với mức giảm trừ cho bản thân người nộp thuế là 11 triệu đồng/tháng và cho mỗi người phụ thuộc là 4,4 triệu đồng/tháng như hiện nay thì người có thu nhập từ tiền lương, tiền công ở mức 17 triệu đồng/tháng (nếu có 1 người phụ thuộc) hay mức 22 triệu đồng/tháng (nếu có 2 người phụ thuộc) sau khi trừ các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp... thì hiện nay cũng chưa phải nộp thuế TNCN.

Theo Báo cáo khảo sát mức sống dân cư năm 2023 của Tổng cục Thống kê (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) công bố thì thu nhập bình quân đầu người/tháng của Việt Nam trong năm 2023 (theo giá hiện hành) là 4,96 triệu đồng và nhóm hộ có thu nhập cao nhất (nhóm gồm 20% dân số giàu nhất - nhóm 5) có thu nhập bình quân là 10,86 triệu đồng/tháng/người. Theo đó, mức giảm trừ cho người nộp thuế hiện nay (11 triệu đồng/tháng) là bằng hơn 2,21 lần so với mức thu nhập bình quân đầu người (cao hơn nhiều so với mức phổ biến mà các nước đang áp

dụng¹⁰), tương đương thu nhập bình quân của nhóm 20% dân số giàu nhất.

Việc thực hiện chính sách thuế TNCN có vai trò rất quan trọng để triển khai chính sách phân phối lại, đảm bảo công bằng xã hội. Cùng với các nguồn thu khác, nguồn thu từ thuế TNCN đã được sử dụng để đáp ứng rất nhiều các nhu cầu chi cho đầu tư phát triển, an ninh quốc phòng, đảm bảo an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo. Việc áp dụng thuế TNCN cần đảm bảo phù hợp với hoàn cảnh sống của người nộp thuế đặt trong bối cảnh KT-XH.

Thời gian qua có ý kiến cho rằng mức giảm trừ gia cảnh vẫn còn thấp, nhưng cũng có ý kiến cho rằng mức giảm trừ gia cảnh hiện nay không thấp khi so sánh với mặt bằng chung về mức sống, thu nhập của người dân hiện nay, có nhiều người lao động hiện đang có thu nhập chưa đến mức phải nộp thuế. Ngoài ra, cũng có ý kiến cho rằng, cần quy định mức giảm trừ gia cảnh theo mức lương tối thiểu vùng, mức giảm trừ gia cảnh ở các đô thị, thành phố lớn cần phải cao hơn ở khu vực nông thôn, miền núi do chi phí đắt đỏ hơn; cũng có ý kiến cho rằng phải có chính sách thuế điều tiết cao hơn đối với cá nhân ở các đô thị, thành phố lớn để hạn chế nhập cư, di dân vào các đô thị lớn...

Về bản chất, quy định về giảm trừ trước khi tính thuế đảm bảo nguyên tắc cá nhân cần phải có một mức thu nhập nhất định nhằm đáp ứng được nhu cầu thiết yếu của cuộc sống như: ăn, ở, đi lại, học tập, khám chữa bệnh..., vì thế, thu nhập trên ngưỡng này mới phải nộp thuế. Việc áp dụng các khoản giảm trừ còn hướng tới mục tiêu loại trừ các đối tượng có thu nhập thấp ra khỏi diện phải nộp thuế TNCN. Mức giảm trừ gia cảnh cho người nộp thuế, người phụ thuộc của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế TNCN là mức cụ thể theo mặt bằng chung của xã hội, không phân biệt người có thu nhập cao hay thấp, với nhu cầu tiêu dùng khác nhau. Cá nhân có khó khăn do thiên tai, hoả hoạn, tai nạn, bệnh hiểm nghèo thì Luật thuế TNCN đã có quy định giảm thuế cho các trường hợp này.

Đối với nước ta, mức giảm trừ gia cảnh hiện hành được áp dụng từ năm 2020 đến nay nên cũng cần thiết phải rà soát, đánh giá lại để đề xuất phương án sửa đổi, bổ sung phù hợp với các điều kiện mới. Mức giảm trừ gia cảnh cụ thể cần được nghiên cứu, tính toán một cách kỹ lưỡng, đảm bảo cho phù hợp với sự biến động của giá cả cũng như sự gia tăng mức sống dân cư trong giai đoạn vừa qua cũng như dự báo cho thời gian tới đây, đồng thời không làm giảm vai trò của chính sách thuế TNCN trong hệ thống thuế. Mức giảm trừ “*quá cao*” sẽ làm mờ vai trò của chính sách thuế TNCN trong việc thực hiện các chức năng của sắc thuế này (đảm bảo công bằng xã hội và điều tiết thu nhập) và vô hình sẽ đưa chính sách thuế TNCN trở lại “*chính sách thuế đối với người có thu nhập cao*” như giai đoạn trước đây. Đồng thời, có thể cân nhắc nghiên cứu phương án giao Chính phủ quy định mức giảm trừ gia cảnh để đảm bảo linh hoạt, chủ động điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn và yêu cầu phát triển KT-XH của đất nước trong từng thời kỳ.

¹⁰ Theo số liệu năm 2023, tỷ lệ này ở Ma-lai-si-a là 0,16 lần, In-đô-nê-xi-a là 0,68 lần, Trung Quốc là 0,67 lần.

- Bổ sung phạm vi xác định các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo được giảm trừ; nghiên cứu bổ sung các khoản giảm trừ đặc thù khác; đồng thời giao Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành để phù hợp với thực tiễn phát sinh.

+ Về bổ sung phạm vi xác định các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo được giảm trừ.

Điều 20 Luật thuế TNCN hiện hành quy định các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo được trừ vào thu nhập trước khi tính thuế đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công bao gồm: khoản đóng góp vào tổ chức, cơ sở chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, người tàn tật, người già không nơi nương tựa; khoản đóng góp vào quỹ từ thiện, quỹ nhân đạo, quỹ khuyến học.

Hiện nay, việc hình thành và mở rộng các quỹ xã hội, quỹ từ thiện là giải pháp để giúp Chính phủ hỗ trợ phúc lợi cho các đối tượng yếu thế, trong đó các nguồn quỹ được hình thành từ sự huy động, đóng góp của người dân, người lao động trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị đã góp phần thực hiện tốt các chính sách đền ơn, đáp nghĩa, an sinh xã hội, hỗ trợ đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn hay trong giai đoạn dịch bệnh Covid-19, bão lũ... thời gian qua. Do vậy, việc rà soát để bổ sung phạm vi xác định các khoản đóng góp được giảm trừ là cần thiết.

+ Về nghiên cứu bổ sung các khoản giảm trừ đặc thù khác.

Luật thuế TNCN hiện hành đã quy định về giảm trừ cho bản thân người nộp thuế, giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc mà người nộp thuế phải nuôi dưỡng; đồng thời Luật cũng quy định không tính vào thu nhập chịu thuế TNCN các khoản đóng góp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp đối với một số ngành, nghề phải tham gia bảo hiểm bắt buộc, các khoản trợ cấp, phụ cấp đặc thù, các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo... Thời gian qua có ý kiến cho rằng cần nghiên cứu cho phép người nộp thuế được trừ một số khoản chi trong năm ở mức độ phù hợp như các khoản chi phí về y tế, giáo dục trước khi tính thuế.

Qua nghiên cứu kinh nghiệm các nước cho thấy, hầu hết pháp luật thuế TNCN của các nước đều có quy định về việc giảm trừ theo các hình thức và cách thức khác nhau. Về phân loại, các nước thường chia thành ba nhóm sau: i) giảm trừ chung cho cá nhân người nộp thuế; ii) các khoản giảm trừ cho người phụ thuộc, như giảm trừ cho con, cho vợ hoặc chồng, cho bố, mẹ...; và iii) các khoản giảm trừ có tính chất đặc thù (ví dụ, giảm trừ cho chi phí y tế, giáo dục...).

Pháp luật về thuế TNCN của Việt Nam đã quy định cho phép giảm trừ đối với hai nhóm đầu: cho người nộp thuế và người phụ thuộc. Đối với các khoản giảm trừ đặc thù, đây là các khoản giảm trừ mà người nộp thuế được hưởng khi đáp ứng được một số tiêu chí nhất định, ví dụ như chi tiêu cho các khoản mà nhà nước khuyến khích (ví dụ cho y tế, giáo dục...). Theo đó, phạm vi các khoản

giảm trừ này ở các nước cũng rất đa dạng. Có quốc gia cho phép giảm trừ các khoản đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế... để khuyến khích người dân tham gia các dịch vụ này; có quốc gia cho phép giảm trừ các khoản chi phí về y tế, chi phí giáo dục của con hoặc có quốc gia cho phép giảm trừ đối với các khoản lãi tiền vay mua nhà trả góp... (Thái Lan, Ma-lai-xi-a, Hàn Quốc, In-đô-nê-xi-a...).

Nhằm phát huy tốt vai trò, ý nghĩa của chính sách thuế TNCN trong việc điều tiết thu nhập nhưng có tính đến điều kiện, hoàn cảnh của người nộp thuế, cần thiết rà soát, nghiên cứu bổ sung các khoản giảm trừ đặc thù khác trước khi tính thuế cho cá nhân người nộp thuế. Tuy nhiên, phạm vi các khoản chi được giảm trừ, mức độ được giảm trừ đối với các khoản chi cần phải được cân nhắc, tính toán phù hợp để vừa đạt được mục tiêu đề ra nhưng cũng không làm giảm vai trò của chính sách thuế TNCN dưới phương diện là một công cụ điều tiết thu nhập, thực hiện phân phối lại.

6. Điều chỉnh Biểu thuế lũy tiến từng phần áp dụng đối với cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công và các mức thuế suất tại Biểu thuế toàn phần tương ứng với các nội dung sửa đổi về thu nhập từ chuyển nhượng vốn, thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản

- Nghiên cứu, điều chỉnh Biểu thuế lũy tiến từng phần đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân cư trú.

Khoản 2 Điều 22 Luật thuế TNCN quy định Biểu thuế lũy tiến từng phần áp dụng đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công với 7 bậc thuế: 5%, 10%, 15%, 20%, 25%, 30% và 35%. Qua quá trình thực tế thực hiện, có quan điểm cho rằng Biểu thuế lũy tiến từng phần hiện hành là chưa hợp lý, quá nhiều bậc, giãn cách giữa các bậc quá hẹp dễ dẫn đến nhảy bậc thuế khi tổng hợp thu nhập vào cuối năm làm tăng số thuế phải nộp, số lượng phải quyết toán thuế tăng một cách không cần thiết trong khi số thuế phải nộp thêm không nhiều.

Việc áp dụng thu thuế TNCN theo các mức thuế suất lũy tiến từng phần là chính sách được áp dụng phổ biến ở nhiều nước trên thế giới. Theo đó, hầu hết các nước đều áp dụng biểu thuế lũy tiến có nhiều bậc khác nhau để áp dụng thu thuế theo các mức khác nhau đối với các nhóm người nộp thuế có mức thu nhập khác nhau, qua đó, đảm bảo tính công bằng theo chiều dọc của chính sách thuế (số thuế phải trả tăng theo sự gia tăng thu nhập). Tuy cách thức và phương thức thiết kế biểu thuế các nước cũng khác nhau, tùy thuộc vào quan điểm thiết kế chính sách thuế TNCN của mỗi nước. Xu hướng chung được một số quốc gia thực hiện gần đây là thực hiện đơn giản hóa của Biểu thuế thông qua việc giảm số bậc trong Biểu thuế.

Qua rà soát cơ cấu biểu thuế hiện nay và nghiên cứu xu hướng cải thiện về mức sống dân cư trong thời gian tới cũng như kinh nghiệm quốc tế¹¹, Việt Nam có thể nghiên cứu để cắt giảm số bậc thuế của Biểu thuế hiện nay từ 7 bậc xuống

¹¹ Biểu thuế của Indonexia bao gồm 5 bậc thuế với các mức thuế suất 5%, 15%, 25%, 30% và 35%; của Philippines bao gồm 5 bậc thuế với các mức thuế suất 15%, 20%, 25%, 30%, 35%; một số quốc gia như Malaysia cũng đã giảm số bậc thuế từ 11 bậc (năm 2021) xuống 9 bậc (2024).

mức phù hợp; cùng với đó, xem xét nới rộng khoảng cách thu nhập trong các bậc thuế, đảm bảo điều tiết ở mức cao hơn vào những người có thu nhập ở bậc thuế cao. Thực hiện theo hướng này sẽ góp phần đơn giản hóa, giảm số bậc thuế nhằm tạo thuận lợi cho công tác kê khai, nộp thuế của người nộp thuế.

Việc sửa đổi Biểu thuế TNCN sẽ được nghiên cứu, xem xét một cách kỹ lưỡng và cần phù hợp với định hướng được đặt ra trong Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030, đảm bảo phù hợp với bối cảnh KT-XH, thu nhập và mức sống của người dân và với thông lệ quốc tế, đặc biệt là với các nước có điều kiện tương đồng, vừa đảm bảo quyền lợi của người lao động, khuyến khích sự phát triển của thị trường lao động trong bối cảnh hội nhập quốc tế, vừa đảm bảo nguồn thu cho NSNN.

- Rà soát để điều chỉnh mức thuế suất tại Biểu thuế toàn phần tương ứng với các nội dung sửa đổi về thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng bất động sản.

+ Về mức thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn:

Như đã nêu tại điểm 2 trên đây, từ thực tiễn thực hiện thời gian qua, cũng như xu hướng, kinh nghiệm của các nước, cần thiết nghiên cứu để quy định rõ tỷ lệ thu thuế (trên doanh thu chuyển nhượng từng lần) đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn.

+ Về mức thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản:

Chính sách thuế TNCN hiện hành của nước ta không phân biệt theo thời gian nắm giữ bất động sản của người chuyển nhượng. Nhằm hạn chế tình trạng đầu cơ bất động sản, một số quốc gia trên thế giới đã sử dụng các công cụ thuế để tăng chi phí cho hành vi đầu cơ và giảm sức hấp dẫn của việc đầu cơ bất động sản trong nền kinh tế, trong đó có thuế TNCN. Ngoài ra, một số nước còn áp dụng thuế đối với lợi nhuận thu được từ giao dịch bất động sản phù hợp với tần suất giao dịch, thời gian mua, bán lại bất động sản. Nếu thời gian này diễn ra càng nhanh thì thuế suất càng cao, diễn ra chậm hơn thì thuế suất thấp hơn.¹²

Tại Nghị quyết số 06/NQ-TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045: “*Nghiên cứu, hoàn thiện chính sách thuế, phí liên quan đến bất động sản nhằm khuyến khích sử dụng nhà, đất có hiệu quả*”. Nghị quyết số 18/NQ-TW ngày 16/6/2022 Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về “*Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao*” đã đưa ra nhiệm vụ, giải pháp: “*Quy định mức thuế cao hơn đối với người sử dụng nhiều diện tích đất, nhiều nhà ở, đầu cơ đất...*”. Nghị quyết số 62/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về hoạt

¹² Tại Singapore, đất mua đi, bán lại trong năm đầu tiên bị đánh thuế 100% trên giá trị chênh lệch mua, bán; sau 2 năm thì mức thuế suất là 50%; sau 3 năm là 25%. Tại Đài Loan, giao dịch bất động sản thực hiện trong 2 năm đầu sau khi mua áp dụng thuế suất là 45%; thực hiện trong 2-5 năm thuế suất là 35%; trong 5-10 năm thuế suất 20% và thực hiện sau 10 năm mức thuế suất là 15%.

động chất vấn tại kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XV yêu cầu: “*Rà soát, hoàn thiện quy định pháp luật về thuế liên quan đến kinh doanh, chuyển nhượng bất động sản, tăng cường quản lý, chống thất thu thuế, bảo đảm nguồn thu ngân sách nhưng không làm ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp, quyền lợi chính đáng của người dân và sự phát triển của thị trường bất động sản*”.

Theo đó, nhằm thể chế hóa các chủ trương, định hướng nêu trên, để có mức độ điều tiết hợp lý, tránh tình trạng đầu cơ, bong bóng bất động sản có thể nghiên cứu để thực hiện thu thuế đối với TNCN từ chuyển nhượng bất động sản theo thời gian nắm giữ như kinh nghiệm của một số nước. Mức thuế suất cụ thể cần được nghiên cứu, xác định phù hợp, phản ánh được thực trạng hoạt động của thị trường bất động sản. Đồng thời, việc áp dụng chính sách thuế TNCN đối với chuyển nhượng bất động sản theo thời gian nắm giữ cũng cần đồng bộ với quá trình hoàn thiện các chính sách có liên quan đến đất đai, nhà ở cũng như sự đồng bộ, mức sẵn sàng của hạ tầng công nghệ thông tin về đăng ký đất đai, bất động sản. Qua đó, có thể tạo điều kiện cho cơ quan thuế có đủ thông tin và cơ sở pháp lý để có được các thông tin liên quan đến thời gian nắm giữ bất động sản.

7. Rà soát sửa đổi, bổ sung quy định về kỳ tính thuế, khấu trừ thuế, thời điểm xác định thu nhập chịu thuế; bỏ quy định về áp dụng điều ước quốc tế để thống nhất thực hiện theo quy định của Luật Điều ước quốc tế, bỏ các nội dung liên quan về quản lý thuế để thống nhất thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế

- Sửa đổi quy định về kỳ tính thuế đối với thu nhập từ kinh doanh, thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.

Hiện hành Luật thuế TNCN quy định đối với thu nhập từ kinh doanh, kỳ tính thuế theo năm và không phải quyết toán thuế. Tuy nhiên, thực tế thực hiện có nhiều hình thức kinh doanh kèm theo các phương thức thanh toán khác nhau, ví dụ như hoạt động thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp kê khai phát sinh doanh thu lớn nên áp dụng kỳ tính thuế theo tháng sẽ phù hợp hơn; hay đối với cá nhân kinh doanh lưu động, cá nhân là chủ thầu xây dựng tư nhân phát sinh thu nhập theo lần/theo kỳ thanh toán đối với hoạt động cho thuê tài sản.

Điều 7 Luật thuế TNCN quy định kỳ tính thuế theo năm áp dụng đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán. Tuy nhiên, tại khoản 5, khoản 7 Điều 2 Luật số 71/2014/QH13 đã sửa đổi quy định về thuế TNCN đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán của cá nhân, theo đó thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán nộp thuế theo từng lần chuyển nhượng, không quyết toán lại theo năm. Do vậy, cần nghiên cứu sửa đổi quy định kỳ tính thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán tại Điều 7 Luật thuế TNCN nêu trên trong trường hợp vẫn duy trì cách xác định thu nhập chịu thuế TNCN đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán như hiện nay.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về các loại thu nhập phải khấu trừ thuế, các loại thu nhập không phải khấu trừ thuế để đảm bảo tính thống nhất, khả thi trong thực hiện.

Chính sách thuế TNCN có một số đặc thù riêng, trong đó nhằm đảm bảo công tác quản lý thu thuế được hiệu quả và phù hợp tại Nghị định quy định chi tiết Luật thuế TNCN đã có quy định về các loại thu nhập phải khấu trừ thuế (thu nhập từ tiền lương, tiền công, thu nhập từ đầu tư vốn, chuyển nhượng chứng khoán, trúng thưởng, bản quyền, nhượng quyền thương mại, thu nhập của cá nhân không cư trú...), các loại thu nhập không phải khấu trừ thuế (thu nhập từ kinh doanh, thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản, thu nhập từ nhận thừa kế, quà tặng...).

Tuy nhiên thực tế thực hiện đã phát sinh vấn đề là cá nhân kinh doanh qua các sàn thương mại điện tử có chức năng đặt hàng trực tuyến. Mặc dù các sàn thương mại điện tử chỉ là đơn vị trung gian giữa người bán và người mua nhưng lại có thể xác định được doanh thu của người bán qua sàn. Hoặc đối với các trường hợp cá nhân ký kết hợp đồng hợp tác với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ vận chuyển, giao hàng... nếu để cá nhân kinh doanh kê khai, nộp thuế trực tiếp với cơ quan thuế sẽ phức tạp trong quản lý, không đảm bảo tính khả thi, hiệu quả.

Để đảm bảo căn cứ pháp lý, cần thiết nghiên cứu để sửa đổi, bổ sung quy định về các loại thu nhập phải khấu trừ thuế, các loại thu nhập không phải khấu trừ thuế phù hợp với thực tiễn và các hoạt động kinh tế mới phát sinh.

- Rà soát sửa đổi, bổ sung quy định về thời điểm xác định thu nhập chịu thuế đối với một số khoản thu nhập của cá nhân như thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản, thu nhập từ thừa kế, quà tặng...

Hiện hành, Luật thuế TNCN (Điều 14, Điều 18) quy định thời điểm xác định thu nhập chịu thuế từ chuyển nhượng bất động sản là thời điểm hợp đồng chuyển nhượng có hiệu lực theo quy định của pháp luật, đối với thu nhập từ thừa kế là thời điểm đối tượng nộp thuế nhận được thừa kế, đối với thu nhập từ quà tặng là thời điểm tổ chức, cá nhân tặng cho người nộp thuế hoặc thời điểm người nộp thuế nhận được thu nhập.

Thực tế thực hiện phát sinh vấn đề vướng mắc đối với trường hợp người chuyển nhượng bất động sản ủy quyền cho người mua nộp thuế thay, khi người mua làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu/quyền sử dụng bất động sản thì cơ quan quản lý mới thực hiện xác định nghĩa vụ thuế; hay đối với thừa kế, quà tặng là chứng khoán thì cá nhân phải hoàn thành nghĩa vụ thuế thì mới làm thủ tục chuyển quyền sở hữu chứng khoán, việc này dẫn đến thời điểm cơ quan thuế ra thông báo nghĩa vụ thuế chưa có ngày đăng ký quyền sở hữu chứng khoán... Do vậy, cần rà soát sửa đổi, bổ sung quy định về thời điểm xác định thu nhập chịu thuế đối với một số khoản thu nhập của cá nhân cho phù hợp với các pháp luật liên quan để đảm bảo thống nhất.

- Bổ quy định về áp dụng điều ước quốc tế để thống nhất thực hiện theo quy định của Luật Điều ước quốc tế, bỏ các nội dung liên quan về quản lý thuế để thống nhất thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

+ Bổ quy định về áp dụng điều ước quốc tế (Điều 9) để thống nhất thực

hiện theo quy định của khoản 1 Điều 6 Luật Điều ước quốc tế.

+ Bỏ các quy định liên quan về quản lý thuế để thống nhất thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế như: quy định về quy đổi thu nhập chịu thuế ra Đồng Việt Nam (Điều 6); quy định về quản lý thuế, hoàn thuế (Điều 8); quy định về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trả thu nhập và trách nhiệm của người nộp thuế (Điều 24, Điều 33).

Trên đây là Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Luật thuế TNCN và một số đề xuất của Bộ Tài chính đối với dự án Luật thuế TNCN (thay thế)/.

BỘ TÀI CHÍNH